

Bản án số: 28/2020/HSST
Ngày: 07/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hợp

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa
2. Ông Đinh Văn Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2020/HSST ngày 28 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST- HS ngày 23/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đối với các bị cáo:

1. Nông Thị K; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 02/01/1982 tại: huyện H, tỉnh Cao Bằng; Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Tạm trú tại: tổ M, phường Đ, thành phố C); Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Kinh doanh vận tải; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Cha: Nông Văn Đ, sinh năm 1952; Mẹ: Thắm Thị N, sinh năm 1952, cùng trú tại: B, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Có 04 anh, chị, em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Chồng: Quốc K, sinh năm: 1981, trú tại: Thôn B, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Có 02 con, sinh năm 2001 và sinh năm 2005.

Tiền sự: không; Tiền án: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2019; (Có mặt tại phiên tòa)

2. Bế Biên T; Giới tính: nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 05/9/1974 tại: huyện H, tỉnh Cao Bằng; Hộ khẩu thường trú: B, xã Đl, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (Tạm trú tại: Tổ M, phường Đ, thành phố C); Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: lái xe; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Trình độ học vấn: 9/12 phổ thông; Cha: Bế Mạnh T (đã

chết); Mẹ: Nông Thị Đ, sinh năm 1936, trú tại: B, xã ĐL, huyện C, tỉnh Đắk Nông; Có 04 anh, chị, em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Vợ: Nông Thị Đ, sinh năm 1984, trú tại: B, xã ĐL, huyện C, tỉnh Đắk Nông; Có 03 con, sinh năm 1996, sinh năm 2008 và sinh năm 2002.

Tiền sự: không; Tiền án: không.

Nhân thân: Ngày 18/6/2009 bị bản án số 04/2009/HSST của Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, Cao Bằng xử phạt tiền về tội Đánh bạc, mức phạt 6.000.000đ.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2019; (Có mặt tại phiên tòa).

3. Hoàng Văn V; Giới tính: nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 05/5/1975; tại: huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: B, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Tạm trú tại: tổ M, phường Đ, thành phố C); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: phụ xe; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Trình độ học vấn: 7/12 phổ thông; Cha: Hoàng Văn M, sinh năm 1939 (đã chết); Mẹ: Hoàng Thị L, sinh năm: 1937 (đã chết); Có 02 anh, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Hoàng Thị H, sinh năm: 1976, trú tại: quận C, thành phố Hồ Chí Minh; Có 02 con, con thứ nhất sinh năm 1995, con thứ hai sinh năm 1997.

Tiền sự: không; Tiền án: không.

Nhân thân: 19/5/2004 bị Công an Thành phố Cao Bằng xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2019.

(Có mặt tại phiên tòa)

4. Trần Anh T; Giới tính: nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 17/9/1981 tại: huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Hộ khẩu thường trú: thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Tạm trú tại: tổ M, phường Đ, thành phố C); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lái xe; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Trình độ học vấn: 11/12 phổ thông; Cha: Trần K N, sinh năm: 1959; Mẹ: Đặng Thị L, cùng trú tại: thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Có 04 anh, chị, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Đàm Thị L, sinh năm: 1987, trú tại: thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2014, con thứ hai sinh năm 2019.

Tiền sự: không; Tiền án: không.

Nhân thân: Ngày 12/9/2011 bị bản án số 193/2011/HSPT của TAND thành phố Đà Nẵng xử phạt 9 tháng tù về tội Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2019; (Có mặt tại phiên tòa).

5. Trần Cao Đ; Giới tính: nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 10/11/1989 tại: huyện N, tỉnh Hải Dương; Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (Tạm trú tại: tổ M, phường Đ, thành phố C); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: phụ xe; Chức vụ trước khi phạm tội

(Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Cha: Trần Đình Đ, sinh năm 1957 (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị H, trú tại: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương; Có 02 anh, em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ: Trần Thị T, sinh năm 1991 (Trú tại: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương); Có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2011, con thứ hai sinh năm 2017.

Tiền sự: không; Tiền án: không.

Nhân thân: ngày 24/11/2010 bị bản án số 43/2010/HSST của TAND thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2019; (Có mặt tại phiên tòa).

6. Lê Văn H; Giới tính: nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 12/6/1976 tại: huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Hộ khẩu thường trú: khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (Tạm trú tại: tổ M, phường Đ, thành phố C); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lái xe; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Trình độ học vấn: 11/12 phổ thông; Cha: Lê Văn T, sinh năm 1950; Mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1950, cùng trú tại: khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Anh, chị, em ruột: Có 03 anh, em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ: Nông Thị H, sinh năm 1988 (Trú tại: khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn); Có 01 con sinh năm 2014.

Tiền sự: không; Tiền án: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2019; (Có mặt tại phiên tòa).

7. Võ Hoàng K; Giới tính: nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 20/4/1975 tại: huyện A, tỉnh Bình Định; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: số S, H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Tạm trú tại: tổ M, phường Đ, thành phố C); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lái xe; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Trình độ học vấn: 9/12 phổ thông; Cha: Võ Hoàng T, sinh năm 1942; Mẹ: Phạm Thị B, cùng trú tại: thôn T, xã N, A, B; Anh, chị, em ruột: Có 06 anh, chị, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Tạ Thị Thu H, sinh năm 1983, trú tại: số S, H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có 02 con, con đầu sinh năm 2008, con út sinh năm 2013.

Tiền sự: không; Tiền án: không.

Nhân thân: năm 2003 gây rối trật tự công cộng bị xử phạt hành chính.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2019; (Có mặt tại phiên tòa).

8. Hoàng Văn L; Giới tính: nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 20/10/1990 tại: huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm B, xã Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: phụ xe; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Trình độ học vấn: 11/12 phổ thông; Cha: Hoàng Văn C (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1955, trú tại: xóm B, xã Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Có 06 anh, chị, em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Vợ: Phan Thị

Trà M, sinh năm 1991 (Trú tại: phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng); Có 01 con sinh năm 2018.

Tiền sự: không; Tiền án: không.

Nhân thân: ngày 27/02/2014 bị bản án hình sự sơ thẩm số 01/2014/HSST của TAND huyện Quảng Uyên, Cao Bằng xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thười gian thử thách 24 tháng về tội Cố ý gây thương tích.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2019; (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 10 giờ ngày 11/10/2019, Nông Thị K và Trần Anh T đang ở phòng trọ số 13 của nhà xe K trong bến xe thành phố thuộc tổ M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng thì có Hoàng Văn V, Hoàng Văn L và Bé Biên T đến chơi. Sau đó V đi mua 01 (một) bộ tứ lơ khơ về rồi V, T, L, T rủ nhau đánh bạc (phỏm) ăn tiền. Cụ thể: Dùng bộ tứ lơ khơ 52 quân bài chia lần lượt theo vòng cho mỗi người 09 quân bài, người chia sẽ được 10 quân và được đánh trước. Nếu một người ù thì những người còn lại sẽ phải trả cho người ù 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng). Nếu hết ván không có ai ù thì người chơi sẽ hạ phỏm của mình đang có và tính điểm các quân bài còn thừa trên tay. Ai có điểm thấp nhất là thắng, lần lượt người có điểm thấp thứ 2, 3, 4 sẽ phải trả số tiền 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), 100.000đ (một trăm nghìn đồng), 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) cho người thắng. Người không có phỏm gọi là “cháy” phải trả cho người thắng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Trong quá trình chơi, có Võ Hoàng K, Lê Văn H, Trần Cao Đ đến xem.

Khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, Đ, H, K rủ nhau đánh bạc (sâm) ăn tiền bằng cách dùng bộ bài 52 quân có sẵn ở trong phòng chia đều cho mỗi người 10 quân bài; sau đó đánh theo thứ tự từ nhỏ đến lớn, ai đánh hết 10 quân bài là người thắng, người chơi còn lại sẽ đếm số lá bài trên tay mỗi lá tương đương 10.000đ (mười nghìn đồng). Nếu chia bài xong có người báo sâm mà không ai chặn được thì mỗi người phải trả 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) cho người báo sâm. Người nào không đánh được lá bài nào (bị cháy) thì phải trả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) cho người thắng. L chuyển sang đánh “sâm” cùng với Đ, H, K; V, T và T vẫn tiếp tục đánh ở chiếu bạc đánh phỏm. Đến khoảng 12 giờ 25 phút cùng ngày, K vào tham gia đánh phỏm ù cùng V, T, T. Khi đánh được 04 ván thì bị Công an bắt quả tang.

Tang vật thu giữ trên chiếu bạc phía bên trong phòng trọ các đối tượng T, T, V, K ngồi gồm: 02 (hai) bộ tứ lơ khơ, mỗi bộ 52 quân bài, đã qua sử dụng; tiền Việt Nam: 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng). Trên chiếu bạc phía bên ngoài gần cửa ra vào của phòng trọ các đối tượng L, Đ, K, H ngồi thu được: 01 (một) bộ tứ lơ khơ 52 quân bài đã qua sử dụng; tiền Việt Nam: 5.090.000đ (năm triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

Tạm giữ một số tài sản, đồ vật trên người các đối tượng, cụ thể:

- Nông Thị K: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen, số Imei: 337625082473631 đã qua sử dụng; tiền Việt Nam: 67.200.000đ (sáu mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng); 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nông Thị K;

- Bé Biên T (01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imei: 354478093020303 đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu samsung màu đen, số Imei: 357931092700017 đã qua sử dụng;

- Trần Anh T: Tiền Việt Nam: 2.950.000đ (hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng); 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng, số Imei: 354434068433039 đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại Nokia màu xanh số Imei: 357698107071656 đã qua sử dụng; 01 chứng minh thư nhân dân mang trên Trần Anh T;

- Hoàng Văn V: (01 (một) điện thoại di động Oppo màu đen, số Imei: 861570045144136, máy đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen, số imei: 354198109992556; tiền Việt Nam: 1.000.000đ (một triệu đồng); 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Văn V;

- Hoàng Văn L: (01 (một) điện thoại di động Nokia màu xanh số Imei: 354185101638469 đã qua sử dụng; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Văn L; tiền Việt Nam: 4.527.000đ (bốn triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng);

- Võ Hoàng K (01 (một) điện thoại di động Nokia màu xanh số Imei: 355754103727130 đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đen, số Imei: 355840080431182, máy đã qua sử dụng; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Võ Hoàng K);

- Trần Cao Đ (01 (một) Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ của Công ty cổ phần vận tải và du lịch K mang tên Trần Cao Đ; 01 (một) điện thoại Nokia màu đen số Imei: 356008083045685 đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động Samsung màu đen số Imei: 356646104894324 đã qua sử dụng; tiền Việt Nam: 14.220.000đ (mười bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng);

- Lê Văn H (01 (một) điện thoại di động Samsung màu xanh, số Imei: 357186106931518 đã qua sử dụng; 01 (một) chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Văn H).

Đối với 13 (mười ba) điện thoại di động, 06 (sáu) chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vận tải, số tiền: 89.897.000đ (*tám mươi chín triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) kể trên không liên quan đến hành vi phạm tội nên ngày 07/02/2020, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã ra quyết định trả lại cho các bị cáo.

Các vật chứng còn lại của vụ án hiện đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo quy định của pháp luật. (*có biên bản kèm theo*).

Nông Thị K, Bé Biên T, Hoàng Văn V, Trần Anh T, Trần Cao Đ, Lê Văn H, Võ Hoàng K, Hoàng Văn L đã bị cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng,

tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSTP ngày 27/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo có tên trên về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, tất cả các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và khai thống nhất với nhau nội dung: Do nhân rồi nên trưa ngày 11/10/2019 có rủ nhau đánh bài ăn tiền tại phòng trọ của Nông Thị K, khi nghe bị cáo V rủ thì T và T đều đồng tình tham gia, sau đó là L. Sau đó L sang đánh sâm với Đ, K, H. K vào thay L được vài ván thì bị bắt quả tang.

Tại chiếu bạc đánh “phôm” có: V, T, T, K với số tiền bị thu giữ là 5.500.000đ. Chiếu bạc đánh “sâm” có L, Đ K, H với số tiền bị thu giữ là: 5.090.000đ. Mỗi ván thắng thua tính nhì, ba, bét, chào (cháy) theo số điểm từ thấp đến cao với mức 50.000đ/100.000đ/150.000đ và 200.000đ/người/ván. Giữa các bị cáo không có sự bàn bạc trước và cũng không ai đứng ra phân công, tổ chức. Các bị cáo không phải nộp tiền phòng cho ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo đều khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nông Thị K, Lê Văn H lần phạm tội này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tất cả các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với cả 08 (tám) bị cáo; áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nông Thị K, Lê Văn H. Tuyên bố 08 (tám) bị cáo phạm tội “Đánh bạc”; xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tiền với mức từ 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng). Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị: tịch thu tiêu hủy 03 (ba) bộ tú lơ khơ đã qua sử dụng. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.590.000đ (*mười triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*). Đối với các tài sản gồm 13 (mười ba) điện thoại di động, 06 (sáu) chứng minh nhân dân, 01 (giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vận tải, số tiền: 89.897.000đ (tám mươi chín triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng) tạm giữ trên người các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên ngày 07/02/2020, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã trả lại cho các bị cáo là phù hợp. Về án phí và quyền kháng cáo thực hiện theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh kinh tế khó khăn, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính H pháp của những chứng cứ, tài liệu do cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ cũng như hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận tội. Lời khai của các bị cáo có sự phù hợp giữa các bị cáo với nhau; phù hợp với nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang; phù hợp với vật chứng là số tiền thu giữ trong vụ án.

Có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 11h đến 12 giờ 30 phút ngày 11/10/2019, tại phòng trọ số M của Bến xe khách thành phố Cao Bằng thuộc tổ M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, 08 (tám) bị cáo: Nông Thị K, Bé Biên T, Hoàng Văn V, Trần Anh T, Trần Cao Đ, Lê Văn H, Võ Hoàng K, Hoàng Văn L đã có hành vi đánh bạc ăn tiền dưới hình thức đánh “phỏm” và đánh “sâm” trên 02 (hai) chiếu bạc. Số tiền thu giữ được trên chiếu bạc đánh phỏm là 5.500.000đ (*năm triệu năm trăm nghìn đồng*), trên chiếu bạc đánh sâm là 5.090.000đ (*năm triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*). Tổng số tiền bị thu giữ trong vụ án là 10.590.000đ (*mười triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*).

Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn kiếm tiền bằng cách sát phạt nhau nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Giữa các bị cáo không có sự bàn bạc rủ rê từ trước, có những bị cáo không quen biết nhau, không ai đứng ra tổ chức mà cùng nhau tham gia thực hiện tội phạm với vai trò người thực hành như nhau nên vụ án thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã làm phương hại đến nếp sống văn minh, xâm phạm trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại bến xe khách

là nơi tập trung đông người trên địa bàn thành phố Cao Bằng và là hành vi nguy hiểm cho xã hội nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hậu quả của tội phạm đã gây ra.

Mặc dù mỗi bị cáo trong hai chiếu bạc thực hiện hành vi phạm tội với thời điểm khác nhau và sử dụng số tiền khác nhau nhưng đều có ý muốn sát phạt nhau. Do các bị cáo đánh bạc thành hai nhóm (đánh phỏm và đánh sâm), với hai hình thức riêng rẽ không có liên quan đến nhau, mỗi bị cáo chỉ có thể ăn tiền của bị cáo trong cùng nhóm nên các bị cáo trong nhóm phải chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau đối với số tiền bị thu giữ của từng nhóm. Các bị cáo Nông Thị K, Bế Biên T, Trần Anh T, Hoàng Văn V phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng)

Đối với bị cáo Hoàng Văn L ban đầu có tham gia đánh phỏm thua 400.000đ sau đó lại tham gia đánh “sâm” nhưng xét thấy thời gian bị cáo L đánh “phỏm” không dài, số tiền cá nhân bị cáo bỏ ra đánh phỏm chưa cấu thành tội độc lập và cũng không xác định được lúc bị cáo đánh phỏm trên chiếu bạc có bao nhiêu tiền được các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên bị cáo chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền thu giữ tại chiếu bạc đánh “sâm” cùng với Trần Cao Đ, Võ Hoàng K và Lê Văn H với số tiền bị thu giữ là 5.090.000đ là thỏa đáng.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân các bị cáo: Bế Biên T bị TAND huyện Hà Quảng, Cao Bằng xử phạt 6.000.000đ về tội Đánh bạc theo bản án số 04/2009/HSST ngày 18/6/2009.

Bị cáo Trần Anh T: Bị TAND thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ tại bản án số 193/2011/HSPT ngày 12/9/2011.

Bị cáo Hoàng Văn L bị TAND huyện Quảng Uyên, Cao Bằng xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội Cố ý gây thương tích theo bản án số 01/2014 ngày 27/02/2014.

Bị cáo Trần Cao Đ: Ngày 24/11/2010 TAND thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 43/2010/HSST.

Tại thời điểm phạm tội, cả 4 bị cáo đã đương nhiên xóa án tích nên về nhân thân được coi là không có tiền án, tiền sự.

Các bị cáo Võ Hoàng K, Hoàng Văn V đã có tiền sự, nhưng đã hết thời hiệu nên cũng được coi là không có tiền án, tiền sự.

Các bị cáo Nông Thị K, Lê Văn H lần phạm tội này là lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra, tất cả 08 (tám) bị cáo đều khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Số tiền các bị cáo phạm tội không lớn so với định lượng định tội trong khung hình phạt, hành vi phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà

chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo để sung vào công quỹ nhà nước là đủ nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục các bị cáo. Do tính chất mức độ của hành vi phạm tội cũng như vai trò thực hiện tội phạm của các bị cáo là ngang nhau nên cần áp dụng mức khởi điểm của khung hình phạt tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người lao động phổ thông, tại thời điểm xét xử các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định do ảnh hưởng của dịch bệnh covid 19 nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Đối với vật chứng, tài sản thu giữ của các bị cáo: Gồm 13 (mười ba) điện thoại di động, 06 (sáu) chứng minh nhân dân, 01 (giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vận tải, số tiền: 89.897.000đ (*tám mươi chín triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng*)) tạm giữ trên người các bị cáo, quá trình điều tra đã xác định các tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội nên ngày 07/02/2020, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng quyết định trả lại cho các bị cáo là đúng pháp luật.

Vật chứng của vụ án là 03 (ba) bộ bài đã qua sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Số tiền 10.590.000đ (*mười triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*) là tiền các bị cáo dùng để thực hiện tội phạm, cần tịch thu để sung vào công quỹ nhà nước .

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là đúng pháp luật, phù H với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo: Nông Thị K, Bé Biên T, Hoàng Văn V, Trần Anh T, Trần Cao Đ, Hoàng Văn L, Võ Hoàng K, Lê Văn H phạm tội "*Đánh bạc*".

Áp dụng: khoản 1 Điều 321, Điều 35, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với tất cả các bị cáo.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Nông Thị K, Lê Văn H.

Xử phạt các bị cáo: Nông Thị K, Bé Biên T, Hoàng Văn V, Trần Anh T, Trần Cao Đ, Hoàng Văn L, Võ Hoàng K, Lê Văn H mỗi bị cáo 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) để sung vào công quỹ nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 03 bộ tứ lơ khơ mỗi bộ 52 quân bài, đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước số tiền 10.590.000đ (*mười triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*).

Xác nhận toàn bộ vật chứng kể trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên bản ngày 27/02/2020.

Xác nhận: Công an thành phố Cao Bằng đã trả lại cho các bị cáo tài sản, đồ vật như sau:

- Nông Thị K: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen, số Imei: 337625082473631 đã qua sử dụng; tiền Việt Nam: 67.200.000đ (*sáu mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng*); 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nông Thị K theo biên bản ngày 07/02/2020;

- Bế Biên T (01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imei: 354478093020303 đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu samsung màu đen, số Imei: 357931092700017 đã qua sử dụng theo biên bản ngày 07/02/2020;

- Trần Anh T: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng, số Imei: 354434068433039 đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại Nokia màu xanh số Imei: 357698107071656 đã qua sử dụng; tiền Việt Nam: 2.950.000đ (*hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*); 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Trần Anh T theo biên bản ngày 07/02/2020;

- Hoàng Văn V: (01 (một) điện thoại di động Oppo màu đen, số Imei: 861570045144136, máy đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen, số imei: 354198109992556; tiền Việt Nam: 1.000.000đ (*một triệu đồng*); 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Văn V theo biên bản ngày 07/02/2020;

- Hoàng Văn L: (01 (một) điện thoại di động Nokia màu xanh số Imei: 354185101638469 đã qua sử dụng; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Văn L; tiền Việt Nam: 4.527.000đ (*bốn triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng*) theo biên bản ngày 07/02/2020;

- Võ Hoàng K (01 (một) điện thoại di động Nokia màu xanh số Imei: 355754103727130 đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đen, số Imei: 355840080431182, máy đã qua sử dụng; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Võ Hoàng K); tiền Việt Nam: 2.950.000đ (*hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*);

- Trần Cao Đ (01 (một) Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ của Công ty cổ phần vận tải và du lịch K mang tên Trần Cao Đ; 01 (một) điện thoại Nokia màu đen số Imei: 356008083045685 đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động Samsung màu đen số Imei: 356646104894324 đã qua sử dụng; tiền Việt Nam: 14.220.000đ (*mười bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*) theo biên bản ngày 07/02/2020;

- Lê Văn H (01 (một) điện thoại di động Samsung màu xanh, số Imei: 357186106931518 đã qua sử dụng; 01 (một) chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Văn H) theo biên bản ngày 07/02/2020.

3. *Về án phí*: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các bị cáo: Nông Thị K, Bế Biên T, Hoàng Văn V, Trần Anh T, Trần Cao Đ, Hoàng Văn L, Võ Hoàng K, Lê Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

4. *Về quyền kháng cáo*: áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hợp